

Số: 1299/KH-UBND

Thị xã Quảng Trị, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Phần thứ nhất:
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH, QP-AN
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

I. Khái quát đặc điểm tình hình

Thị xã Quảng Trị bước vào thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN giai đoạn 5 năm 2016-2020 trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh... được ban hành và tổ chức thực hiện. Đây cũng chính là giai đoạn thị xã tập trung huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội và chỉnh trang đô thị, từng bước xây dựng thị xã theo hướng phấn đấu đạt các tiêu chí đô thị loại III. Các Chương trình, Kế hoạch về phát triển Thương mại - dịch vụ; CN- TTCN, Đề án về tái cơ cấu ngành Nông nghiệp được triển khai thực hiện; chất lượng nền kinh tế dần được cải thiện.

Tuy nhiên, bên cạnh đó tình hình phát triển kinh tế - xã hội thị xã còn gặp nhiều khó khăn do thiên tai và dịch bệnh diễn biến phức tạp, đại dịch covid-19 đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của đời sống cũng như việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ VI, Nghị quyết của HĐND thị xã về phát triển KT-XH nhiệm kỳ 2015-2020; Cùng với sự giúp đỡ của TW, của tỉnh, sự hỗ trợ của các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp các ngành, UBND thị xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển KT-XH của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ VI và 18/18 chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra trong kế hoạch phát triển KT-XH, QP- AN 5 năm giai đoạn 2016-2020.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 9,12%/năm (Kế hoạch tăng 9-10%/năm).
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu ngành dịch vụ, du lịch tăng: 19,4%/năm (Kế hoạch tăng 20-22%/năm).
- Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng: 9,35% (Kế hoạch tăng 10-12%/năm); trong đó: Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp: 9,21%/năm.

- Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản: 4,36%/năm (*Kế hoạch tăng 4-6%/năm*)
- Sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 3.461 tấn (*Kế hoạch: 3.300 tấn*)
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 60 triệu đồng (gấp 2,1 lần so với năm 2015).
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đạt 400 tỷ đồng, tăng 12,46%/năm; Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là 1.079 tỷ đồng, tăng 2,45%/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm 2016-2020 đạt 1.610 tỷ đồng (*Kế hoạch từ 1.500-1.600 tỷ đồng*), trong đó: Vốn ngân sách phân cấp thị xã quản lý: 441 tỷ đồng; huy động nguồn xã hội hóa được 57 tỷ đồng.
- Đã kêu gọi được 5 dự án đầu tư vào Cụm Công nghiệp Hải Lệ với tổng vốn đăng ký 153,8 tỷ đồng. Tỷ lệ lấp đầy Cụm Công nghiệp là 37% (giai đoạn 1 là 77%).

2. Về văn hoá, xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 0,9% (*Kế hoạch từ 0,8-0,9%*).
- Tạo việc làm mới hàng năm cho khoảng 350 lao động (*Kế hoạch từ 300-350 lao động*).
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,65%/năm (*năm 2016 có 268 hộ nghèo, năm 2020 còn 128 hộ nghèo*) (*Kế hoạch mỗi năm giảm 0,5%-1,0%*).
- Có 5/5 xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 đạt trên 97% (*Kế hoạch >90%*).
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng (theo cân nặng) dưới 5 tuổi (*năm 2020*) còn 6,61% (*năm 2015: 7,5%*) (*Kế hoạch <7%*).
- Duy trì 5/5 xã phường đạt chuẩn phổ cập bậc trung học; Nâng đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS lên mức độ 3; Có 100% trường học đạt chuẩn Quốc gia (*Kế hoạch có 80% trường học đạt chuẩn Quốc gia*).
- Có 100% khu phố, làng, 100% cơ quan, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa; 95% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (*Kế hoạch 100% khu phố, làng đạt tiêu chuẩn ĐVVH; 95% cơ quan, đơn vị được công nhận ĐVVH: 95%; Số gia đình được công nhận đạt chuẩn GĐVH 95%*).

3. Về Môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng năm đến 2020 trên 58% (*năm 2015: 58%*) (*Kế hoạch trên 57%*).
- Tỷ lệ các hộ sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100% (*năm 2015: 93,8%*) (*Kế hoạch đạt trên 92%*).

- Tỷ lệ hộ được thu gom rác thải: Phường 1,2,3, An Đôn: đạt 100% (năm 2015: 86,7%); xã Hải Lệ đạt 75% (*Kế hoạch: Phường 1,2,3: đạt 100%; Phường An Đôn đạt 90%; xã Hải Lệ đạt 50%*).

III. Kết quả thực hiện trên các ngành, lĩnh vực

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Lĩnh vực Thương mại - dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2015 đạt 1.150 tỷ đồng, năm 2020 đạt 2.796 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 19,4%/năm.

Số cơ sở hoạt động trong ngành thương mại, dịch vụ hiện có 2.756 cơ sở và 3.970 lao động hoạt động trong ngành thương mại, dịch vụ, tăng 127 cơ sở và 150 lao động so với năm 2015. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ là 97 doanh nghiệp và 597 lao động, chủ yếu là doanh nghiệp siêu nhỏ.

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên các tuyến phố chính phát triển. Chợ Quảng Trị được mở rộng, nâng cấp, sửa chữa, đảm bảo vai trò là trung tâm giao thương chính của thị xã và khu vực lân cận. Nhiều doanh nghiệp mở rộng hoạt động ra thị trường trong và ngoài nước. Quy mô, chất lượng của nhiều dịch vụ, như: cung cấp nước, điện, vệ sinh môi trường, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm... được nâng lên; dịch vụ tài chính, tín dụng phát triển khá mạnh¹; dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách; hình thành thêm một số dịch vụ mới...

Dịch vụ du lịch từng bước phát triển, phục vụ nhu cầu cho khách đến tham quan, giải trí. Đã phối hợp khai thác lợi thế về Cụm Di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ, truyền thống văn hóa, lịch sử cách mạng và dòng sông Thạch Hãn để phục vụ hoạt động du lịch. Công tác quảng bá, giới thiệu, kêu gọi đầu tư phát triển du lịch thị xã được đẩy mạnh². Đề án phát triển các sản phẩm du lịch thị xã đến năm 2030 đang được tập trung triển khai. Tuyến phố đi bộ được hình thành và duy trì hoạt động khá đều. Dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng từng bước đáp ứng nhu cầu³. Lượng khách du lịch đến thị xã tăng hàng năm.

1.2. Lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng

Giá trị sản xuất Công nghiệp - Xây dựng năm 2015 đạt 550 tỷ đồng, trong đó: Công nghiệp: 345 tỷ đồng; năm 2020 đạt 860 tỷ đồng; tăng bình quân 9,35%/năm, trong đó: giá trị sản xuất Công nghiệp đạt 536 tỷ đồng; tăng 9,2%/năm.

Các ngành nghề có quy mô đầu tư lớn và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản xuất công nghiệp thị xã như: Xay xát gạo, may mặc, sản xuất đồ gỗ ngày càng

¹Hiện nay có 5 chi nhánh ngân hàng thương mại, 1 ngân hàng chính sách. Dự nợ tín dụng tăng từ 15-20%/năm; số lượng khách hàng tăng từ 10-15%/năm. Duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 0,5%.

²Qua Cổng thông tin điện tử thị xã, phương tiện truyền thông, hội chợ xúc tiến thương mại, du lịch...

³Có 3 khách sạn, 3 nhà khách với 100 phòng ngủ; 28 nhà nghỉ với 150 phòng nghỉ; 15 nhà hàng.

được đầu tư nâng cấp⁴. Các ngành cơ khí, gia công kim loại duy trì ổn định; sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác cát sạn phát triển. Nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đã đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ trang thiết bị, kỹ thuật, thu hút thêm lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động địa phương.

Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp được quan tâm đầu tư xây dựng. Đã quy hoạch, bố trí 49 ha đất để phát triển mở rộng Cụm công nghiệp Hải Lệ và tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 với nguồn vốn ngân sách 20 tỷ đồng. Đến nay, đã có 03 dự án vào đầu tư và hoạt động⁵, tổng vốn đầu tư khoảng 130 tỷ đồng, đóng góp vào ngân sách nhà nước năm cao nhất (2019) đạt gần 12 tỷ đồng.

Công tác khuyến công, thông tin, tư vấn được chú trọng; hướng dẫn, tạo điều kiện để doanh nghiệp được hỗ trợ từ nguồn vốn khuyến công, vay vốn ưu đãi từ Quỹ phát triển khoa học - công nghệ để phát triển sản xuất⁶. Công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động được quan tâm.

Hiện nay, có 413 cơ sở với 1.170 lao động hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tăng 12 cơ sở và 50 lao động so với năm 2015.

1.3. Nông nghiệp và xây dựng Nông thôn mới

Đã tích cực triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất nông nghiệp nông - lâm - thủy sản có sự tăng trưởng qua các năm. Năm 2015, giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản là: 92,1 tỷ đồng, năm 2020 đạt 114 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2016- 2020 tăng 4,35%/năm. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, ngày càng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản góp phần tăng hiệu quả sản xuất.

Duy trì ổn định diện tích trồng cây hàng năm khoảng 900 ha, trong đó: diện tích trồng lúa từ 530-540 ha, tỷ lệ lúa chất lượng cao chiếm trên 95% diện tích. Nhiều giống cây con mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất gắn với ứng dụng công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh cơ giới hóa; Chăn nuôi phát triển theo hướng gia trại, trang trại, thâm canh bán công nghiệp gắn với bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh; hình thành một số mô hình có hiệu quả như: Trồng trồng ném, nuôi hươu, nuôi lợn thâm canh có quy mô 50 con trở lên, trồng sen - nuôi cá...

⁴ Tỷ trọng ngành Công nghiệp chế biến lương thực, gỗ chiếm 87 - 88% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp.

⁵03 Dự án đã triển khai: Nhà máy chế biến gỗ ghép thanh, gỗ dăm kết hợp sản xuất viên nén" của công ty TNHH TM&DV Hoàng Phú (vốn đầu tư 14 tỷ); Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ xây dựng Hoàng Anh 2 của công ty TNHH MTV Hoàng Anh Cam Lộ (vốn đầu tư 11,6 tỷ); Dự án khu nhà xưởng và văn phòng Trung Khởi (vốn đầu tư 105 tỷ). 01 Dự án đang đề xuất chủ trương đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ xây dựng Ngô Liễu

⁶Khuyến công tỉnh 340 triệu đồng, thị xã 250 triệu đồng và cho vay ưu đãi: 1,2 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo theo hướng nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt và hoàn thành các tiêu chí theo chuẩn mới. Đã thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu⁷. Phong trào xây dựng nông thôn mới ngày càng đi vào thực chất, huy động sự tham gia đông đảo của người dân, đạt kết quả rõ nét và hiệu quả hơn⁸; diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống của người dân được cải thiện đáng kể⁹. Duy trì và nâng cao chất lượng 19 tiêu chí đã đạt.

1.4. Kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể

Các thành phần kinh tế tư nhân trên địa bàn ngày càng phát triển về quy mô, số lượng kinh nghiệm và năng lực kinh doanh; góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm, an sinh xã hội của thị xã. Đến nay, toàn thị xã có 3.288 cơ sở sản xuất kinh doanh và 153 doanh nghiệp đang hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động, đóng góp khoảng 60% tổng thu ngân sách trên địa bàn.

Kinh tế hợp tác và hợp tác xã được củng cố và phát triển¹⁰. Hoạt động dịch vụ của một số HTX được củng cố, mở rộng và ngày càng đi vào ổn định, hiệu quả năm sau cao hơn năm trước. Một số mô hình hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã kinh tế trang trại, liên kết hộ trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích phát triển.

Hàng năm tổ chức gặp mặt đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, đề ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; tổ chức tập huấn, đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật; bố trí quỹ đất; hỗ trợ vay vốn ưu đãi để kinh doanh; kết nối thị trường, tham gia có chất lượng các hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh... nhằm tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng phát triển.

1.5. Công tác quản lý, điều hành ngân sách

Công tác quản lý, điều hành ngân sách có nhiều đổi mới, chủ động, công khai, minh bạch, chặt chẽ hơn. Thực hiện phân cấp cho các phường, xã để tạo sự chủ động khai thác nguồn thu từ nội bộ. Triển khai các biện pháp nuôi dưỡng, khai thác các nguồn thu, tận thu; thực hiện thu đúng, thu đủ, chống thất thu và nợ đọng thuế; khai thác có hiệu quả nguồn thu từ quỹ đất; tích cực huy động nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài.

Thu ngân sách nhà nước tăng hàng năm, từ 47,8 tỷ đồng năm 2015 thì đến năm 2020: thực hiện 80 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai

⁷ Tổng nguồn vốn xây dựng Nông thôn mới từ năm 2016 - 2020: 66,4 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh: 50,8 tỷ đồng. Ngân sách thị xã: 7 tỷ đồng; huy động nguồn xã hội hóa: 6,7 tỷ đồng; nguồn sự nghiệp: 1,9 tỷ đồng.

⁸ Phong trào Ngày thứ 7 tình nguyện xây dựng Nông thôn mới, phát động xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu.

⁹ Thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn năm 2019 đạt 32 triệu đồng, năm 2020 ước đạt 36 triệu đồng.

¹⁰ Hiện nay, trên địa bàn có 7 HTX: 05 HTX nông nghiệp, 01 HTX sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát sạn, 01 HTX giao thông vận tải. Hoàn thành việc hướng dẫn chuyển đổi theo Luật HTX cho 7 HTX

đoạn 2016 - 2020 đạt 400 tỷ đồng, tăng 12,46%/năm, trong đó: thu thuế, phí, lệ phí 198 tỷ đồng, tăng 7,33%/ năm.

Bố trí hợp lý cơ cấu chi và các khoản chi; cơ cấu chi cơ bản đáp ứng các nhu cầu chi thường xuyên và góp phần tích cực cho đầu tư phát triển, giảm nghèo, thực hiện các chương trình dự án của thị xã; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát. Phân bổ vốn đầu tư trung hạn và hàng năm đúng quy định của Nhà nước; quản lý và sử dụng chặt chẽ, có hiệu quả vốn đầu tư; thanh toán dứt điểm các khoản nợ. Tổng chi ngân sách giai đoạn 2016-2020 là 1.079 tỷ đồng, tăng 2,45%/năm. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20% trong tổng chi ngân sách.

1.6. Huy động nguồn vốn đầu tư phát triển, xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng

- Về huy động và sử dụng vốn đầu tư

Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 phân cấp cho thị xã quản lý và làm chủ đầu tư khoảng 441 tỷ đồng, cao hơn 41 tỷ đồng so với giai đoạn 2011-2015, trong đó: Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp (*Bao gồm cả vốn ODA*): 141 tỷ đồng¹¹, nguồn phân cấp thị xã cân đối: 300 tỷ đồng¹².

Trong giai đoạn 2016-2020, thị xã đã tích cực kêu gọi đầu tư các công trình từ nguồn xã hội hóa với vốn huy động được 57 tỷ đồng. Một số công trình, hạng mục được đầu tư như: Trường Tiểu học Nguyễn Trãi, Trường THPT Nguyễn Huệ¹³ ...

Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 ước đạt 1.610 tỷ đồng, cao gấp 2 lần so với giai đoạn 2011- 2015.

Việc sử dụng vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả. Vốn đầu tư tập trung cho các dự án công trình trọng điểm, công trình bức thiết của địa phương đồng thời thanh toán dứt điểm công nợ không để kéo dài. Việc phân bổ vốn đầu tư trong kỳ trung hạn và hàng năm tuân thủ chặt chẽ các quy định của nhà nước.

- Các dự án trọng điểm:

Đã được Trung ương, tỉnh hỗ trợ nguồn vốn lớn để đầu tư cho một số công trình quan trọng trên địa bàn¹⁴. Bên cạnh đó, với nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và nguồn của địa phương, thị xã đã triển khai nhiều dự án mới như: Dự án nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị với tổng mức đầu tư 120 tỷ đồng; Cơ sở hạ tầng khu đô

¹¹Trong đó: Ngân sách tỉnh cân đối: 62 tỷ đồng, TW hỗ trợ có mục tiêu: 39 tỷ đồng, Vốn ODA: 35 tỷ đồng.

¹²Trong đó: Ngân sách tỉnh cân đối: 28,4 tỷ đồng; Khai thác quỹ đất: 228 tỷ đồng; Thanh lý tài sản, Nguồn hỗ trợ khác: 30,4 tỷ đồng.

¹³Trường Tiểu học Nguyễn Trãi do Tập đoàn Bảo Việt tài trợ (8 tỷ đồng), Trường THPT Nguyễn Huệ (GD 1) do Tập đoàn Bảo Việt tài trợ (15 tỷ), Nhà văn hóa xã Hải Lệ do Tập đoàn Dầu Khí tài trợ (4 tỷ đồng), Nghĩa trường Đoàn do Ông Hoàng Kiều tài trợ (6,5 tỷ), Đầm đỗ thuyền và thuyền thả hoa do Tổng Cục Thuế (5,7 tỷ), Bể bơi do TW Đoàn tài trợ (10 tỷ)...

¹⁴Tổng vốn đầu tư hơn 530 tỷ đồng; các công trình: Tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã; kè chống xói lở bờ sông Thạch Hãn - khu vực xã Hải Lệ; nâng cấp Quốc Lộ 1A...

thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 1, 2) với tổng mức đầu tư 79 tỷ đồng; Nâng cấp cơ sở vật chất 6 trường học với tổng mức đầu tư 22,3 tỷ đồng...

Hiện nay, hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị tiếp tục được đầu tư khá đồng bộ, tạo được điểm nhấn và mở ra cơ hội cho sự phát triển. Từng bước hình thành và mở rộng không gian đô thị, góp phần tích cực trong việc tạo quỹ đất xây dựng nhà ở, thu hút dân cư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Giải phóng mặt bằng:

Triển khai thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo bàn giao mặt bằng đúng tiến độ cho các công trình, dự án trên địa bàn. Ngoài việc giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn như nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị; Khu đô thị mới Võ Thị Sáu¹⁵... Giải quyết vướng mắc GPMB dự án khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ. Thị xã còn thực hiện tốt nhiệm vụ giải phóng mặt bằng cho các công trình trọng điểm quốc gia như: Tuyến tránh Quốc lộ 1, đoạn qua thị xã Quảng Trị (*hạng mục cầu Thành Cổ và đường dẫn*); Mạch 2 đường dây 220kV Đông Hà-Huế; Dự án Cao tốc Cam Lộ - La Sơn...

1.7. Quy hoạch, quản lý đô thị; tài nguyên và môi trường

Quy hoạch đô thị được triển khai đồng bộ. Các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết được triển khai khá tích cực¹⁶, góp phần mở rộng không gian đô thị, quy hoạch tạo quỹ đất để hình thành các khu đô thị như: khu đô thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 1, 2)...

Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc, trật tự xây dựng đô thị được thực hiện nghiêm túc hơn. Tình trạng xây dựng không phép, sai phép giảm hẳn; các vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các Đề án: Điện chiếu sáng hẻm kiệt, Bê tông hóa giao thông... Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã; triển khai thực hiện kế hoạch chỉnh trang và xây dựng văn minh đô thị giai đoạn 2017-2020; Chương trình phát triển đô thị thị xã giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025...

Tổ chức phát động và thực hiện phong trào “Ngày thứ 7 tình nguyện xây dựng văn minh đô thị”, tích cực chỉ đạo xây dựng khu phố văn minh, tuyến đường kiểu mẫu, sáng - xanh - sạch - đẹp. Từ đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện chủ trương xây dựng văn minh đô thị, tự giác tham gia chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường, trật tự vỉa hè... góp phần làm đổi thay diện mạo đô thị. Qua 5 năm thực hiện, đến nay, thị xã Quảng Trị đạt 47/59 tiêu chuẩn đô thị loại III, với 64/100 điểm, tăng 10 tiêu chuẩn và tăng gần 10 điểm so với năm 2015.

¹⁵Tổng diện tích đất đã thu hồi: 212,43 ha. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 72,1 tỷ đồng. Có 982 tổ chức, hộ gia đình có diện tích đất bị thu hồi

¹⁶ Quy hoạch các phân khu chức năng: Khu đô thị Võ Thị Sáu, phường 1, phường An Đôn, Bắc đường Nguyễn Trãi; quy hoạch “Khu vực phụ cận Thành Cổ và Công viên Hòa bình...”

Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên và môi trường. Các thủ tục hành chính về đất đai được cải cách theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân. Hoàn thành cơ bản công tác giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân có diện tích đất rừng bị thu hồi tại cụm công nghiệp Hải Lệ. Triển khai các thủ tục thu hồi đất để xây dựng các công trình, dự án đúng quy trình, quy định¹⁷. Rà soát, kiểm tra, đề xuất UBND tỉnh thu hồi và giao cho thị xã quản lý, khai thác sử dụng đất của một số doanh nghiệp sử dụng không hiệu quả¹⁸.

Thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường. Đã hướng dẫn các doanh nghiệp khắc phục ô nhiễm môi trường, vận động nhân dân thu gom rác thải đem lại kết quả cao¹⁹.

2. Về văn hóa xã hội

2.1. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được các cấp, các ngành tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện; Nhân dân hưởng ứng sôi nổi, tạo chuyên biến sâu rộng trong đời sống văn hóa - xã hội ở các địa phương, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân²⁰. Nếp sống văn hóa, văn minh đô thị từng bước được hình thành. Nhiều chương trình, đề án về văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao được triển khai có hiệu quả²¹.

Tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội có quy mô lớn, tạo niềm tin, phấn khởi trong các tầng lớp Nhân dân và bạn bè trong cả nước²². Chương trình “Đêm Hoa Đăng” tri ân các anh hùng liệt sĩ trên sông Thạch Hãn tạo nét đặc trưng của địa phương. Tuyển phổ đi bộ Ngô Quyền đã thu hút khá đông người dân trong và ngoài thị xã tham gia.

Công tác thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan được các cấp, ngành, địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ trên tất cả các loại hình, hình thức phong phú, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của đất nước và của địa phương. Chất lượng, nội dung của các chương trình, tin bài, phóng sự ngày càng được nâng lên.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ thị xã đến cơ sở được quan tâm đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và xã hội hóa. Có 22/23 làng, khu phố có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cố định. Các phường, xã đều có điểm sinh hoạt ngoài trời. Hoạt động thể dục, thể thao được xã hội hóa mạnh mẽ; nhiều tổ chức, cơ quan, đơn vị,

¹⁷Từ năm 2016 đến năm 2020: Thu hồi đất 212,43 ha; kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 72,1 tỷ đồng; có 982 tổ chức, hộ gia đình có đất thu hồi.

¹⁸ Khu vực Nhà kho của công ty lương thực Triệu Hải (Giai đoạn I), HTX vận tải đường sông, 4 Ki ốt khu mặt tiền Chợ Quảng Trị, Trạm Thủy văn.

¹⁹ Đến nay, 100% số hộ gia đình ở Phường 1,2,3, An Đôn; 70% số hộ gia đình ở xã Hải Lệ được gom rác thải;

²⁰ Có 100% khu phố, làng, 100% cơ quan, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa; 95% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

²¹ Đề án xây dựng Nhà Văn hóa khu phố giai đoạn 2017-2021, Đề án đặt tên đường phố...

²² 210 lý sở Quảng Trị; 30 năm lập lại thị xã; 70 năm ngày thương binh, liệt sĩ; 45 năm sự kiện 81 ngày đêm bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị; 110 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Lê Duẩn (07/4); Tổ chức Đại hội TDTT thị xã lần thứ VII năm 2017...

cá nhân mạnh dạn đầu tư các thiết chế thể dục, thể thao²³; tham gia hội thi cấp tỉnh đạt nhiều giải cao²⁴. Hình thành mới nhiều câu lạc bộ, thu hút nhiều người dân tham gia luyện tập thường xuyên²⁵.

2.2. Giáo dục - đào tạo

Quy mô trường lớp sắp xếp hợp lý, thực hiện sáp nhập 3 trường Tiểu học và 3 Trường THCS trên địa bàn (theo Nghị quyết số 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII). Chất lượng dạy và học được nâng cao ở tất cả các cấp học, bậc học; có một số mặt dẫn đầu toàn tỉnh²⁶. Tỷ lệ học sinh giỏi và học sinh đạt giải trong các kỳ thi ngày càng tăng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, xây dựng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, 100% trường học kiên cố, cao tầng đáp ứng nhu cầu học tập. Công tác xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn Quốc gia được chú trọng. Giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phổ cập bậc trung học²⁷. Nâng đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS lên mức độ 3. Có 5/5 phường xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập bậc trung học. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án: “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”; “Xóa mù chữ đến năm 2020” đạt kết quả tốt.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục²⁸; công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đạt nhiều kết quả. Hoạt động hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh được quan tâm; khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh chọn học nghề phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội.

2.3. Khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin

Đã ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào vào nhiều lĩnh vực đời sống như: trồng hoa, nấm sò đen, sử dụng chế phẩm EM trong chăn nuôi, trồng cây ăn quả có công nghệ tưới khoa học... Nhiều đề tài, sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp tốt đã được áp dụng trong các lĩnh vực Y tế, giáo dục. Phong trào ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được đẩy mạnh. Tiềm lực khoa học công nghệ dần dần được chú trọng đầu tư, nâng cao điều kiện làm việc của cán bộ, công chức trên địa bàn²⁹. Từng bước xác lập chỉ dẫn địa lý, đăng ký thương hiệu cho một số sản phẩm hàng hóa

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước ngày càng tiến bộ; hầu hết các văn bản được gửi, nhận và xử lý qua môi trường mạng, sử dụng chữ ký số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước.

²³ Bể bơi, sân bóng đá, bóng chuyên hơi, tennis, bi-a, yoga, thể hình.

²⁴ Tham gia Đại hội TDTT tỉnh: 7/10 môn, xếp thứ 2 toàn đoàn trong 14 đoàn với 9 HCV, 7 HCB, 8 HCD.

²⁵ Hiện có 7 CLB Tennis, 4 CLB Cầu lông, 6 CLB dưỡng sinh, 3 CLB gym, 5 CLB bóng chuyên hơi, xe đạp, đi bộ...

²⁶ Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ đạt 66,1%, mẫu giáo đạt 97,7%; có 1 em đạt giải quán quân và 1 em đạt giải nhì cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia; 1 em đạt giải 3 cuộc thi KHKT quốc tế. Thị xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

²⁷ Hiện nay, có 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

²⁸ Số lớp trẻ, mẫu giáo ngoài công lập: 34 lớp, số trẻ 644 cháu, tăng 8 lớp, 259 cháu so với năm học 2015 - 2016.

²⁹ Gần 100% cơ quan đã thực hiện việc tiếp nhận và xử lý văn bản điều hành qua mạng.

Triển khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng thông tin điện tử thị xã, hướng đến xây dựng chính quyền điện tử theo lộ trình của tỉnh.

2.4. Lĩnh vực y tế, dân số; gia đình và trẻ em

Công tác quản lý nhà nước về y tế đạt được nhiều tiến bộ. Cơ sở vật chất, thiết bị y tế trên địa bàn được quan tâm đầu tư. Đội ngũ cán bộ y tế từng bước được nâng cao cả về chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu của việc khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân³⁰. Các chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế được triển khai đồng bộ và đạt kết quả tốt. Công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai đồng bộ. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, 100% xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt những kết quả cơ bản³¹. Duy trì có hiệu quả các mô hình, Đề án nâng cao chất lượng dân số như: Đề án sàng lọc trước khi sinh và sơ sinh; Đề án tư vấn, kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân...

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện tích cực. Mô hình khu phố, thôn không có người sinh con thứ 3 trở lên tiếp tục được nhân rộng³². Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm dưới 0,9%. Công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em được quan tâm: 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, hỗ trợ; 5/5 phường xã được công nhận phù hợp với trẻ em. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 6,61%. Các lĩnh vực bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ... được quan tâm thực hiện.

2.5. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Công tác chính sách xã hội được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ. Các Nghị quyết chuyên đề về lĩnh vực được chỉ đạo tích cực và thực hiện có hiệu quả. Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" gắn với cuộc vận động "Toàn dân chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công" được toàn dân hưởng ứng tích cực và ngày càng đi vào chiều sâu. Đã hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 100 nhà tình nghĩa, trị giá 2,690 tỷ đồng. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác định thông tin liệt sỹ được địa phương chú trọng triển khai³³. Cùng với nguồn lực nhà nước, đã vận động xã hội hóa hơn 15 tỷ đồng để đầu tư nâng cấp một số công trình tưởng niệm và tri ân liệt sỹ.

Các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững³⁴, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn triển khai thực hiện có hiệu quả. Hàng năm tạo việc làm mới cho hơn 350 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm

³⁰Đến nay, thị xã (gao gồm cả Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải) có 283 giường bệnh, tăng 27 giường so với năm 2020; Cán bộ, y bác sĩ: 201 người, trong đó: trình độ đại học trở lên: 49 người (tăng 13 người).

³¹Tỷ suất sinh hiện nay là 12,89‰. Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm dưới 0,9 %....

³²Thôn Tân Lệ: 8 năm liền không sinh con thứ 3; Thôn Phước Môn, Khu phố 2 (Phường An Đông): 3 năm liền không sinh con thứ 3. Tỷ suất sinh hiện nay là 12,89‰. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm dưới 0,9%;

³³Từ năm 2016 đến nay đã quy tập 96 hài cốt liệt sỹ và an táng 95 hài cốt liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ Quảng Trị.

³⁴Năm 2016, có 268 hộ nghèo, đầu năm 2020 còn 128 hộ nghèo, giảm bình quân 0,65%/năm.

khoảng 55%. Cơ bản hoàn thành chương trình xóa nhà tạm bợ dột nát cho hộ nghèo³⁵.

Việc triển khai thực hiện hệ thống bảo hiểm xã hội trên địa bàn thị xã linh hoạt, đa dạng; số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế tăng hằng năm, góp phần quan trọng bảo đảm an sinh xã hội. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến nay đạt 95% (mục tiêu: 90%).

3. Lĩnh vực xây dựng chính quyền, hoạt động tư pháp, thanh tra, giải quyết KNTC, công tác phòng chống tham nhũng

3.1. Công tác xây dựng chính quyền, tổ chức bộ máy

Vai trò, hiệu lực và hiệu quả quản lý điều hành của UBND, chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên môn được nâng lên. Tổ chức bộ máy của chính quyền các cấp được sắp xếp phù hợp chức năng nhiệm vụ quy định. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19 của hội nghị lần thứ VI của BCH TW (Khóa XII) gắn với việc thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ³⁶; sắp xếp, tổ chức lại thôn, khu phố không đảm bảo quy mô dân số³⁷.

Thực hiện nghiêm túc công tác sơ tuyển, xét tuyển, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức và giám biên chế theo quy định, đúng lộ trình; Chỉ đạo xây dựng kế hoạch chấm dứt lao động hợp đồng không đúng quy định tại các cơ quan, đơn vị³⁸.

Công tác quy hoạch cán bộ đi vào nền nếp. Hàng năm, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ mọi mặt, đồng thời để đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện cho việc giới thiệu, bổ nhiệm³⁹.

Thực hiện điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ chặt chẽ, đảm bảo quy trình⁴⁰. Các chế độ, chính sách cán bộ được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định⁴¹. Công tác quản lý biên chế được thực hiện chặt chẽ theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt⁴².

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; trong đó, tập trung triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính thị xã giai đoạn 2017-2020. Thực

³⁵ Đã hỗ trợ 1,440 tỷ đồng xây dựng, sửa chữa 40 nhà ở cho hộ nghèo.

³⁶ Đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho 19 CBCCVC. Sáp nhập 6 đơn vị trường tiểu học, THCS thành 3 đơn vị trường học TH&THCS; 4 đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành 2 đơn vị; Chuyển đổi, thành lập 1 đơn vị sự nghiệp. Sắp xếp, tổ chức lại thôn, khu phố: từ 27 thôn, khu phố còn lại 23 thôn, khu phố.

³⁷ Giảm từ 27 thôn, khu phố còn lại 23; giảm 09 cán bộ khu phố.

³⁸ Năm 2019 đã giải quyết 37 trường hợp; hết năm 2020 giải quyết xong 17 trường hợp còn lại (khỏi nhà nước 14, đoàn thể 3).

³⁹ Cử đi đào tạo chuyên môn 13 đồng chí (sau đại học 9, đại học 4); bồi dưỡng lý luận chính trị 302 đồng chí (cao cấp 23, trung cấp 91, sơ cấp 88); mở 56 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho 5.239 lượt học viên.

⁴⁰ Bổ nhiệm trưởng phòng và tương đương 09; phó phòng và tương đương 17; điều động, bổ nhiệm trưởng phòng 06, phó trưởng phòng 08; luân chuyển cán bộ cấp thị về giữ chức danh chủ chốt ở cơ sở 03.

⁴¹ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 431 lượt cán bộ diện BTV Thị ủy quản lý; tặng huy hiệu Đảng 608 đồng chí.

⁴² Biên chế cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể thị xã 37 (chỉ tiêu giao 46). Biên chế cơ quan hành chính trực thuộc UBND thị xã 68 (chỉ tiêu giao 76).

hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử; đưa 100% thủ tục hành chính vào thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của thị xã. Kết quả cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước đạt được nhiều kết quả tích cực, hiện nay thị xã được tỉnh xếp loại tốt⁴³.

3.2. Công tác tư pháp

Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng và trình tự, thủ tục theo quy định. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở được triển khai, thực hiện theo Kế hoạch đề ra; kịp thời phổ biến quán triệt nội dung các Luật mới được ban hành, góp phần nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân trên địa bàn. Chất lượng hòa giải ở cơ sở ngày càng được nâng cao, thể hiện qua tỷ lệ các vụ hoà giải thành đã hỗ trợ đắc lực cho chính quyền địa phương trong việc giải quyết trực tiếp những vụ việc tranh chấp trong nhân dân, hạn chế tình hình đơn thư, khiếu nại vượt cấp.

Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương. Thực hiện tốt công tác hộ tịch, chứng thực, giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp đảm bảo quy định, đáp ứng yêu cầu của tổ chức và cá nhân trên địa bàn.

3.3. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư

Đã chủ động triển khai 18 cuộc thanh tra về quản lý, ngân sách, đầu tư xây dựng; quản lý và sử dụng đất đai, đã phát hiện kịp thời những vướng mắc, chỉ rõ những hạn chế và phát hiện những sai phạm. Kết luận, thu hồi nộp ngân sách nhà nước gần 380 triệu đồng. Đồng thời chấn chỉnh xử lý trách nhiệm hành chính các đơn vị có thiếu sót, sai phạm.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo gắn với việc tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng Nhân dân. Chính quyền các cấp đã tiếp nhận và giải quyết 908 đơn (04 tố cáo, 30 khiếu nại, còn lại là đơn phản ánh, kiến nghị). Tập trung chỉ đạo giải quyết các đơn thư, vụ việc nổi cộm, kéo dài, được dư luận quan tâm. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị kịp thời, đảm bảo quy định pháp luật, hạn chế khiếu kiện tập thể⁴⁴.

⁴³Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 đạt 70,5 điểm, đến năm 2018 đạt 86,5 điểm tăng 8,5 điểm, đứng thứ 3 toàn tỉnh; Năm 2018, tỷ lệ giải quyết hồ sơ sớm hạn và đúng hạn đạt 99,6%.

⁴⁴UBND thị xã: 260 đơn (04 đơn tố cáo, 17 đơn khiếu nại, 239 đơn kiến nghị phản ánh). Các cơ quan, đơn vị: 326 đơn (10 đơn khiếu nại, 316 đơn kiến nghị phản ánh); UBND các phường xã: 322 đơn (03 đơn khiếu nại, 319 đơn kiến nghị phản ánh)

3.4. Công tác phòng chống tham nhũng

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc quán triệt thực hiện các chủ trương, chính sách về phòng, chống tham nhũng. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, giai đoạn 3 (2017-2020). Thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền; thực hiện nghiêm túc việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ; thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng như: Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, gắn với công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, thực hiện, đảm bảo minh bạch hóa trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính... Việc kê khai minh bạch tài sản thu nhập hàng năm được thực hiện nghiêm túc theo quy định.

4. Lĩnh vực Quốc phòng An ninh

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt việc quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về công tác Quốc phòng, an ninh. Kịp thời tuyên truyền định hướng cho LLVT, cán bộ và nhân dân về tình hình thế giới, khu vực, nhất là tình hình biên, đảo; âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch chống phá đối với cách mạng nước ta⁴⁵. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

Đã quan tâm xây dựng LLVT vững mạnh về mọi mặt, nhất là tập trung xây dựng cơ quan Quân sự, cơ quan Công an vững mạnh, làm tốt công tác tuyển gọi công dân nhập ngũ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, công an viên, bảo vệ dân phố, tổ an ninh nhân dân. Lãnh đạo tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, tập huấn, huấn luyện.

Việc quy hoạch, đầu tư nguồn lực xây dựng một số hạng mục công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập được chú trọng. Thực hiện đề án “Trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng vũ trang thị xã giai đoạn 2020-2024”. Chỉ đạo và thực hành diễn tập các cấp đạt kết quả tốt⁴⁶. Đặc biệt năm 2018, diễn tập KVPT thị xã đã hoàn thành tốt và có mặt xuất sắc, bảo đảm an toàn tuyệt đối.

Chủ động nắm chắc tình hình, tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh, ngăn chặn kịp thời nhiều âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá

⁴⁵Đối tượng 2: 4 đ/c, đối tượng 3: 34 đ/c, đối tượng 4: 1292 đ/c; giáo dục KT QPAN cho 9883 lượt học sinh.

⁴⁶Diễn tập PCTT-TKCN thị xã năm 2016, diễn tập KVPT thị xã năm 2018, diễn tập CDPT 5 phường, xã;

của các thế lực thù địch, phản động; đấu tranh trấn áp mạnh mẽ các loại tội phạm, hạn chế tai nạn giao thông nghiêm trọng. Tiếp tục củng cố và phát huy tốt vai trò quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định

IV. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT - XH thị xã giai đoạn 2016-2020

Qua 05 năm triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, QPAN giai đoạn 2016-2020, kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch. Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, chỉnh trang đô thị và xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, nhất là nguồn lực nội tại và xã hội hóa. Diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi thay. Một số công trình trọng điểm, tạo điểm nhấn trong phát triển đô thị thị xã được đầu tư; thu, chi ngân sách đạt kế hoạch. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được đẩy mạnh. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu. An sinh xã hội được đảm bảo; thu nhập và đời sống của nhân dân được nâng lên đáng kể. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Quốc phòng, quân sự địa phương được củng cố và tăng cường.

V. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

- Kinh tế phát triển với tốc độ khá nhưng chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Việc kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm chưa đạt mục tiêu đề ra. Chưa tạo được bước đột phá về phát triển du lịch - dịch vụ, việc kết nối ngành du lịch với các ngành kinh tế - xã hội khác và các địa phương lân cận còn yếu; sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Kinh tế hợp tác xã chưa mạnh. Năng suất cây trồng, vật nuôi và chất lượng sản phẩm nông nghiệp còn thấp. Một số dự án đầu tư triển khai chậm với cam kết⁴⁷.

- Thu ngân sách trên địa bàn tuy vượt và tăng hàng năm song số thu thấp, chỉ đáp ứng 37% tổng chi. Việc huy động nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và lộ trình xây dựng thị xã Quảng Trị cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại III vào năm 2020. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước phụ thuộc vào sự hỗ trợ của TW, tỉnh nên thiếu chủ động, chưa đáp ứng được mục tiêu phát triển KT- XH của thị xã.

- Tình trạng lấn chiếm đất đai, lấn chiếm vỉa hè, xây dựng trái phép chưa được xử lý triệt để. Việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị chuyển biến chưa thật sự rõ nét, nhất là trong công tác vệ sinh môi trường, trật tự vỉa hè. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” một số nơi còn hình thức. Một số thiết chế văn

⁴⁷Dự án Lavang-resort, Dự án Trung tâm Du lịch Hoà niệm; Dự án Khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cỏ.

hóa, thể dục - thể thao chưa được quản lý, sử dụng hiệu quả. Chất lượng đào tạo nghề còn thấp.

- Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế, có việc chưa thực sự quyết liệt. Phương thức, lề lối làm việc của chính quyền một số cơ sở còn chậm đổi mới, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; kỷ cương, kỷ luật hành chính có lúc chưa nghiêm. Cải cách hành chính có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và mong muốn của Nhân dân, doanh nghiệp. Có kiến nghị của Nhân dân chưa được giải quyết dứt điểm. Năng lực, trình độ chuyên môn của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tác phong, thái độ, kỹ năng làm việc thiếu chuyên nghiệp.

- Việc nắm bắt, dự báo tình hình ở cơ sở có lúc, có mặt còn hạn chế. Tình hình tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; vi phạm pháp luật về ma túy, trộm cắp, lừa đảo qua mạng có chiều hướng tăng. Việc đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ chưa ngang tầm với vai trò, vị trí.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Nền kinh tế thị xã tiếp tục chịu ảnh hưởng của thời tiết khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 và bão lũ cuối năm 2020 đã tác động không nhỏ đến việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN giai đoạn 2016-2020, đặc biệt là về huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế xã hội của thị xã.

- Do vị trí địa lý, thời tiết, không được thuận lợi, khả năng tiêu dùng của dân cư chưa cao nên việc kêu gọi, thu hút các các nhà đầu tư đến đầu tư không chỉ trên địa bàn thị xã mà cả tỉnh nói chung gặp nhiều khó khăn. Chưa quy hoạch được quỹ đất thuận lợi để kêu gọi đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của một số đơn vị chưa mạnh mẽ, thiếu quyết liệt; Việc xây dựng các giải pháp triển khai thực hiện còn thiếu kịp thời, chưa sát với tình hình thực tiễn. Việc cụ thể hóa các mục tiêu nhiệm vụ về phát triển kinh tế để tổ chức thực hiện có lúc còn chậm. Các giải pháp đột phá còn ít, nhất là về du lịch.

- Sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, địa phương trong giải quyết một số nhiệm vụ thiếu chặt chẽ và đồng bộ. Một số cán bộ năng lực công tác, vai trò tham mưu, phối hợp để triển khai tổ chức thực hiện còn hạn chế, tính chủ động chưa cao.

- Các chỉ tiêu về kinh tế tuy đạt nhưng mức độ không cao. Nguyên nhân chủ yếu là việc mở rộng quy mô sản xuất của các doanh nghiệp còn chậm, việc kêu gọi các dự án mới gặp nhiều khó khăn. Tăng thu ngân sách chủ yếu từ nguồn khai

thác quỹ đất và đầu giá tài sản. Việc huy động các nguồn vốn trong và ngoài ngân sách chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Một số nhà đầu tư do khó khăn về nguồn vốn, năng lực quản lý nên việc triển khai một số dự án còn chậm so với kế hoạch. Nhận thức của một bộ phận cán bộ đảng viên và nhân dân còn mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

VI. Bài học kinh nghiệm

1. Tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, địa phương trong giải quyết một các nhiệm vụ. Nâng cao năng lực công tác của cán bộ, tính chủ động, vai trò tham mưu, phối hợp để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Công tác quy hoạch, kế hoạch cần tiếp tục đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Xác định khâu đột phá, ngành mũi nhọn lựa chọn một số lĩnh vực, công trình trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối và bố trí nguồn lực để ưu tiên đầu tư, nhằm định hướng phát triển kinh tế ổn định, bền vững gắn với giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội.

3. Thường xuyên tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khai thác tốt tiềm năng và huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế phục vụ cho việc phát triển KT-XH của thị xã.

4. Kịp thời điều chỉnh, linh hoạt trong quá trình vận động, tiếp cận, thu hút các nguồn vốn đầu tư. Tích cực, năng động, sáng tạo trong việc khai thác nguồn vốn từ đầu giá quyền sử dụng đất

5. Tăng cường mối quan hệ hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban ngành trong tỉnh để tạo môi trường thông thoáng, xây dựng hạ tầng để thu hút các dự án đầu tư.

6. Thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, có hiệu quả công tác cải cách hành chính. Chăm lo xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng; thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chính sách, kế hoạch của Đảng, nhà nước.

7. Khơi dậy tính năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp và người lao động. Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cấp, các ngành, các địa phương; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân; ưu tiên đầu tư các dự án động lực để tạo đòn bẩy cho phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ hai:
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
THỜI KỲ 2021-2025

I. Dự báo tình hình từ nay đến năm 2025

Bước vào thực hiện Kế hoạch KT-XH, QP-AN giai đoạn 2021-2025, thị xã Quảng Trị có những thuận lợi cơ bản:

- Tình hình chính trị, xã hội đất nước ổn định, nền kinh tế tiếp tục phát triển; Một số chủ trương, chính sách mới được Đảng và Nhà nước triển khai nhằm thực hiện mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao vào năm 2030; Chủ trương phân đầu đưa tỉnh Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao vào năm 2025 sẽ tạo luồng sinh khí mới thúc đẩy nền kinh tế phát triển của tỉnh. Đồng thời, có nhiều dự án động lực được đầu tư, nhất là Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đi vào hoạt động

- Đối với thị xã Quảng Trị, những thành tựu sau hơn 30 năm xây dựng và phát triển và kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã tạo tiền đề cho phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Một số công trình trọng điểm của thị xã đã được tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư. Định hướng tiếp tục xác định phát triển thương mại, dịch vụ phát triển là nhiệm vụ trọng tâm, tạo đột phá trong phát triển du lịch, cùng với sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận của Nhân dân... là điều kiện, là động lực quan trọng cho sự phát triển của thị xã trong thời gian tới.

Tuy nhiên, sự phát triển của thị xã còn gặp nhiều khó khăn, thách thức: Nội lực của nền kinh tế thị xã còn thấp; cơ sở hạ tầng đô thị chưa thực sự đồng bộ; sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số vừa là cơ hội, vừa là thách thức; vi phạm pháp luật, tội phạm về ma túy, tội phạm công nghệ cao diễn ra phức tạp; thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường...

II. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động mọi nguồn lực, phát huy lợi thế là đô thị có bề dày lịch sử văn hóa, cách mạng để đẩy nhanh phát triển kinh tế, trọng tâm là thương mại - dịch vụ - du lịch; tạo sự đột phá trong phát triển Du lịch, hướng đến trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch. Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ để kinh tế tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục nâng cao chất lượng văn hoá, giáo dục, y tế, đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tập trung công tác phòng chống dịch, kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19. Đẩy mạnh cải cách hành chính. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh. Phân đầu xây dựng thị xã đạt các tiêu chí đô thị loại III đến năm 2025, hướng đến đô thị Hòa bình.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu kinh tế

(1)- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu ngành dịch vụ, du lịch tăng 17 -19%/năm.

(2)- Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng tăng 9 - 10%/năm, trong đó: Công nghiệp tăng 10 - 11%/năm.

(3)- Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản tăng 4 - 5%/năm.

(4)- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 tăng 1,4 - 1,5 lần so với năm 2020 (85 - 90 triệu đồng).

(5)- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 550 - 560 tỷ đồng, tăng 8 - 9%/năm, trong đó thu từ thuế, phí, lệ phí từ 300 - 310 tỷ đồng, tăng 10 - 11%/năm.

(6)- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 3.200 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2016 - 2020; trong đó: vốn xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách phân cấp thị xã quản lý khoảng 550 - 600 tỷ đồng.

(7)- Hàng năm, thành lập mới từ 10 - 15 doanh nghiệp, giải quyết việc làm mới cho 350 - 400 lao động. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 80 - 85%.

(8)- Kêu gọi đầu tư 2 - 3 trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn tiêu chuẩn 3 sao trở lên; có 1- 2 cơ sở kinh doanh dịch vụ lữ hành, dịch vụ vui chơi giải trí; Có 1- 2 dự án về du lịch.

(9)- Kêu gọi 4 đến 5 doanh nghiệp có vốn đăng ký trên 20 tỷ đồng vào đầu tư, hoạt động. Phân đầu đạt tỷ lệ lấp đầy của Cụm Công nghiệp Hải Lệ trên 70%.

2.2. Chỉ tiêu xã hội

(10)- Hộ nghèo giảm từ 12 - 15 hộ/năm.

(11)- Người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

(12)- Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ đạt 70 - 75%, mẫu giáo trên 98%. Trước năm 2023 thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học.

(13)- Đến năm 2025, có ít nhất 2 phường đạt chuẩn văn minh đô thị; xã Hải Lệ đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

2.3. Chỉ tiêu về môi trường

(14)- Tỷ lệ người dân các phường 1, 2, 3 sử dụng nước sạch đạt 100%. Tỷ lệ người dân phường An Đôn, xã Hải Lệ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

(15)- Đến năm 2025: Tỷ lệ hộ thu gom rác thải ở các phường, xã đạt 100%; năm 2022: 100% hộ gia đình có hố xí tự hoại.

(16)- Đến năm 2025, có trên 600 hộ dân đầu nối mới vào hệ thống xử lý nước thải.

III. Một số chương trình, nhiệm vụ trọng tâm

1. **Đẩy mạnh phát triển ngành thương mại - dịch vụ - du lịch, tiếp tục đóng vai trò chủ yếu trong nền kinh tế thị xã, đạt mức tăng trưởng cao, bền vững; tạo sự đột phá trong phát triển du lịch.**

2. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với mở rộng địa giới hành chính. Xây dựng thị xã đạt các tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025, hướng đến đô thị hòa bình.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình, Đề án về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

4. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá, liên doanh, liên kết, kêu gọi doanh nghiệp có quy mô đầu tư vào các dự án thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp chất lượng cao trên địa bàn, đảm bảo hoạt động hiệu quả.

5. Tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm các sự kiện chính trị, văn hóa của địa phương. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo và trình độ khoa học và công nghệ; Giải quyết tốt hơn các vấn đề bức xúc về xã hội. Cải thiện căn bản đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân.

6. Quản lý và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ cân bằng sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo thực hiện “mục tiêu kép” - vừa chống dịch Covid - 19, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

7. Tăng cường cải cách hành chính gắn với từng bước đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kết hợp với thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, tạo nền tảng chuyển đổi số, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

8. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng - an ninh: Giữ vững ổn định chính trị, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ mới.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tập trung phát triển mạnh thương mại - dịch vụ và tạo bước đột phá trong phát triển du lịch

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Kết luận số 22-KL/TU của BTV Thị ủy, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU của Thị ủy về phát triển TM-DV-DL 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch định hướng xây dựng các sản phẩm du lịch trên địa bàn thị xã Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện kế hoạch thu hút đầu tư để phát triển các sản phẩm du lịch trên địa bàn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Thay đổi hình thức quản lý, tổ chức khai thác hiệu quả chợ Quảng Trị; Đấu thầu chợ Ba Bến để bàn giao cho doanh nghiệp quản lý, khai thác. Thực hiện liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường để tiêu thụ, xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm của địa phương; Phát triển và quản lý tốt các loại hình thương mại điện tử.

Hoàn thành các quy hoạch: “*Khu vực phụ cận Thành Cổ và công viên Hòa Bình*”; Khu dịch vụ du lịch sinh thái Đập Tràn - Hải Lệ... để kêu gọi đầu tư, góp

phần thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ. Chuyển đổi mục đích sử dụng của: Trung tâm giáo dục thường xuyên - giáo dục nghề nghiệp (*cơ sở ở đường Hai Bà Trưng*), Sân vận động thị xã để dành quỹ đất phát triển thương mại, dịch vụ; có kế hoạch di dời rác chôn lấp tại Bàu De để kêu gọi đầu tư.

Khai thác lợi thế là địa phương có di tích Quốc gia đặc biệt Thành Cổ - Quảng Trị để phát triển du lịch. Từng bước xây dựng thị xã trở thành là một trong các điểm đến trên con đường Di sản văn hóa Miền Trung.

Nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, vận chuyển, thuyết minh, hướng dẫn du khách. Cùng cố nâng cao chất lượng “Đêm Hoa Đăng” và “Tuyên phồ đi bộ” trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng của thị xã Quảng Trị. Thực hiện việc liên doanh, liên kết để hình thành tour du lịch các điểm di tích trên địa bàn thị xã kết nối các đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh với các sản phẩm du lịch “Con đường Huyền thoại”, “Con đường Di sản”. Khảo sát, định hình các sản phẩm du lịch có tiềm năng như: Du lịch trên sông Thạch Hãn, dã ngoại khám phá đập Trần Hải Lệ... Phấn đấu thu hút 500- 600 ngàn lượt người/năm.

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, liên doanh, liên kết thu hút nhà đầu tư tiềm năng đầu tư dự án du lịch để đưa kinh tế du lịch phát triển; Khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) để xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên; Khu nghỉ dưỡng Đập Trần, Khe Trái; có 1- 2 cơ sở kinh doanh lễ hành; 1-2 dự án về du lịch được triển khai; bãi đỗ xe du lịch thị xã.

Khuyến khích phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có khả năng đóng góp tăng trưởng kinh tế của thị xã, giải quyết việc làm... Từng bước phấn đấu xây dựng thị xã Quảng Trị bước đầu hình thành trung tâm dịch vụ, tài chính, công nghệ - thông tin phía Nam của tỉnh.

1.2. Đẩy mạnh phát triển Công nghiệp - TTCN

Tập trung đẩy mạnh phát triển Công nghiệp - Tiêu thủ công nghiệp trên cơ sở khai thác các ngành công nghiệp có lợi thế, như chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến gỗ... Cùng cố, phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp hỗ trợ; nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm của các cơ sở gắn với khai thác, sử dụng nguồn nguyên liệu tại địa phương và các vùng phụ cận.

Chủ động kêu gọi tìm tạo nguồn, xây dựng và triển khai đầu tư hoàn thành Dự án: “*Cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị*”, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nước thải tại các cụm công nghiệp; Đẩy mạnh việc xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư triển khai thêm 4 đến 5 doanh nghiệp có vốn đăng ký trên 20 tỷ đồng vào đầu tư, hoạt động. Phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy của Cụm Công nghiệp Hải Lệ trên 70%. Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô lớn, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường lên cụm công nghiệp Hải Lệ. Khuyến khích, thực hiện các chính sách ưu đãi hỗ trợ các cơ sở đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại để mở rộng sản xuất cho các sản phẩm có ưu thế của địa phương.

Thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới, ứng dụng công nghệ thiết bị tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hướng đến xuất khẩu, nhất là chế biến nông, lâm sản, gắn với bảo vệ môi trường. Có chính sách, giải pháp để hình thành một số cơ sở sản xuất hàng hóa lưu niệm đặc trưng của thị xã phục vụ cho lễ hội và khách du lịch.

1.3. Phát triển nông nghiệp phù hợp với xu hướng đô thị hóa; xây dựng xã Hải Lệ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao giá trị giai đoạn 2020 - 2025. Đẩy nhanh việc chuyển dịch nền sản xuất nông nghiệp sang sản xuất nông nghiệp ven đô. Thu hút các nguồn lực đầu tư vào phát triển nông nghiệp theo hướng gắn kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi phường, xã 1 sản phẩm (OCOP) gắn với việc tham gia chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp để bảo đảm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các mô hình và phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ như: Rau an toàn, hoa cao cấp... đạt quy mô 01 ha trở lên; vùng sản xuất cây ăn quả, cây dược liệu tập trung tại địa bàn xã Hải Lệ, phường An Đôn.

Tiếp tục tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp; duy trì và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm ở vùng gò đồi xã Hải Lệ theo hướng trang trại và gia trại tập trung gắn với an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường; hạn chế việc chăn nuôi trong khu vực nội thị.

Bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn sông Thạch Hãn. Tăng diện tích rừng trồng thâm canh gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, thực hiện giao đất lâm nghiệp, giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho người dân. Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng và tăng thu nhập cho người dân.

Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Triển khai xây dựng các vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, từng bước xây dựng xã Hải Lệ đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao vào năm 2025.

1.4. Lĩnh vực Tài chính, đầu tư công

Tăng cường tìm tòi, khai thác tốt nguồn thu vào ngân sách thị xã. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu và đối tượng thu thuế, chống thất thu thuế. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách khuyến thu. Triển khai có hiệu quả kế hoạch thu từ khai thác quỹ đất, thuế tài nguyên... Tiếp tục rà soát các trụ sở không còn nhu cầu sử dụng, xây dựng phương án đầu giá để bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển. Phấn đấu thu ngân sách thị xã trên địa bàn tăng hàng năm từ 10-11%.

Phân bổ và sử dụng ngân sách hợp lý, đúng quy định; ưu tiên nguồn lực ngân sách cho các dự án, công trình trọng điểm và lĩnh vực an sinh xã hội. Siết chặt kỷ cương trong chi ngân sách, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục triển khai thực hiện tự chủ tài chính. Công khai, minh bạch các nguồn thu, chi tài chính

theo quy định của pháp luật. Chấp hành đúng các quy định của Chính phủ và Nghị quyết HĐND tỉnh về điều hành kế hoạch đầu tư XDCB. Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình quốc gia để vừa tạo sức mạnh tổng hợp vừa nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

1.5. Huy động và sử dụng các nguồn lực để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ theo tiêu chí đô thị loại III gắn với mở rộng không gian đô thị

1.5.1. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển. Tiếp tục tranh thủ sự quan tâm của tỉnh, Trung ương. Chú trọng các nguồn vốn tư nhân, coi đây chính là nguồn lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo nguồn đóng góp ngân sách bền vững cho thị xã.

Đổi mới cách tiếp cận, quảng bá, giới thiệu, xúc tiến vận động, kêu gọi đầu tư theo hướng chủ động, nâng cao và hiệu quả hơn. Đẩy mạnh các hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần để huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển. Xây dựng và công bố rộng rãi danh mục các chương trình, dự án vận động, thu hút đầu tư. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án chính sách thu hút đầu tư và huy động nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng đô thị, hạ tầng Cụm Công nghiệp Hải Lệ, hạ tầng du lịch.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025⁴⁸. Ưu tiên đầu tư cho các công trình cấp thiết, các công trình gắn với định hướng phát triển kinh tế chủ yếu, gắn với việc chỉnh trang đô thị. Thực hiện việc đầu tư tập trung, có trọng điểm gắn liền với định hướng xây dựng thị xã Quảng Trị đạt các tiêu chí đô thị loại III, tạo điểm nhấn kiến trúc một số khu vực gắn với chỉnh trang đô thị.

Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực: VH-XH, KH-CN, bảo vệ môi trường. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo vận động quần chúng nhân dân thực hiện tốt công tác GPMB các dự án trên địa bàn. Chuẩn bị quỹ đất tái định cư để giải phóng mặt bằng một số công trình dự án lớn sẽ triển khai.

1.5.2. Ưu tiên đầu tư một số công trình, dự án trọng điểm

- Về hạ tầng đô thị:

+ Sớm triển khai thực hiện hoàn thành dự án sử dụng nguồn ngân sách TW hỗ trợ chủ yếu: Cơ sở hạ tầng, giao thông đô thị thị xã (bao gồm: Đường Võ Văn Kiệt, hồ trung tâm thị xã; mở rộng đường Bạch Đằng).

+ Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án: Khu đô thị Võ Văn Kiệt, Khu đô thị Võ Thị Sáu (giai đoạn 3)... để phục vụ khai thác quỹ đất và hình thành các khu đô thị mới

- Về hạ tầng cụm công nghiệp: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện dự án: Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 1). Rà soát, lập dự án đầu tư giai đoạn 2,

⁴⁸Chi đạo thực hiện tốt Kết luận của UBND tỉnh tại Thông báo số 51/TB-UBND, ngày 08/5/2020; Thông báo số 40-TB/TU, ngày 14/01/2021 kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên làm việc với lãnh đạo thị xã Quảng Trị

tạo quỹ đất để kêu gọi các dự án. Triển khai thực hiện dự án: Hệ thống xử lý nước thải cụm Công nghiệp Hải Lệ.

- *Về hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch*: Đẩy mạnh thực hiện việc kêu gọi xã hội hóa trong phát triển hạ tầng thương mại - dịch vụ, du lịch như: Các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên, Bãi đỗ xe du lịch, các công trình điểm nhấn về du lịch.

- *Về văn hóa xã hội*: Triển khai xây dựng Nhà Văn hóa trung tâm, Cơ sở vật chất của một số trường để đạt chuẩn Quốc gia và trường kiểu mẫu; Thiết chế văn hóa phường, xã... Phối hợp triển khai một số dự án, công trình do tỉnh làm chủ đầu tư như: Nâng cấp di tích Thành Cổ; Bảo tàng Thành Cổ...

1.6. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, xây dựng đô thị văn minh

Chủ động phối hợp xây dựng Đề án, đề xuất cấp có thẩm quyền mở rộng địa giới hành chính và không gian đô thị thị xã. Trình phê duyệt Đề án “*Xây dựng thị xã đạt tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025, định hướng đến năm 2030*” để triển khai thực hiện. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết chuyên đề của Thị ủy Quảng Trị về tăng cường công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng, Quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Tổ chức rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chung về xây dựng thị xã đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Phối hợp triển khai lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tiếp tục rà soát và triển khai lập Quy hoạch các phân khu chức năng (*Phường 2, Phường 3*); Quy hoạch ngành; Quy hoạch các khu đô thị mới; Điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới... để phục vụ cho công tác quản lý và phân bổ nguồn lực thực hiện. Quy hoạch, đầu tư mở rộng thêm các khu đô thị mới phía Đông thị xã; Khu đô thị mới ở phường An Đôn. Tích cực phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh để xây dựng Đề án xây dựng thị xã Quảng Trị hướng đến đô thị hòa bình.

Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị thị xã Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 đảm bảo với nhu cầu, khả năng thực hiện, trong đó chú trọng các chỉ tiêu đáp ứng các tiêu chí đô thị loại III như: cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... Triển khai Quy hoạch “*Khu vực phụ cận Thành Cổ và công viên Hòa bình*” sau khi được UBND tỉnh phê duyệt. Thực hiện có hiệu quả các Đề án: Đề án điện chiếu sáng hẻm, kiệt thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026; Đề án xã hội hóa cây xanh đô thị giai đoạn 2022-2025; Đề án nâng cao hiệu quả quản lý trật tự xây dựng, trật tự vỉa hè; Đề án xã hội hóa lát vỉa hè giai đoạn 2022-2025.

Đẩy mạnh việc trồng cây xanh, bóng mát các tuyến đường nội thị. Tăng tỷ lệ đầu nối nước thải của các tổ chức, cá nhân vào hệ thống xử lý nước thải; Phân đầu đến năm 2025 có trên 600 hộ đầu nối mới vào hệ thống xử lý nước thải.

Ưu tiên nguồn lực để triển khai thực hiện đề án “*Xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn đến 2030*” theo kế hoạch của tỉnh.

1.7. Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường

Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất thị xã giai đoạn 2021 - 2030; Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai. Tiếp tục rà soát, đề xuất UBND tỉnh thu hồi những dự án, công trình chậm triển khai hoặc chủ đầu tư không có khả năng thực hiện để kêu gọi đầu tư⁴⁹. Quản lý việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, đất đai vào mục đích xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng... theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền để nâng cao ý thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, ngăn chặn xử lý kịp thời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gắn sự phát triển kinh tế với hoạt động bảo vệ môi trường. Từng bước đầu tư mở rộng mạng lưới hệ thống thu gom xử lý nước thải (*tuyến cấp 2*), tăng tỷ lệ đầu nối nước thải của các tổ chức, cá nhân vào hệ thống.

Hoàn thành Đề án Xã hội hóa xây dựng nhà tiêu tự hoại cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn giai đoạn 2021-2022 vào năm 2022.

1.8. Tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, thường xuyên gặp gỡ doanh nghiệp để lắng nghe, nắm bắt các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, doanh nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh để có các cơ chế, biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn, ổn định phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp. Chủ động hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, đăng ký bảo hộ nhãn mác sản phẩm, mở rộng thị trường, đổi mới trang thiết bị, năng lực quản trị doanh nghiệp.

Xây dựng mối liên kết, hợp tác phát triển giữa kinh tế hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác để nâng cao năng lực công nghệ và giải quyết các vấn đề thị trường cho nông nghiệp.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội doanh nghiệp, Câu lạc bộ nữ doanh nghiệp. Kịp thời động viên, khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, doanh nhân có đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội và các phong trào của địa phương.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao nhất là các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ có điều kiện, các hoạt động

⁴⁹ Dự án La Vang Resort, Trung tâm Hoài Niệm, ki ốt của Công ty Lương thực tại đường Trần Hưng Đạo...

văn hóa, văn nghệ, TDTT, quảng cáo... Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thông tin - thể dục thể thao. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, các sự kiện chính trị, văn hóa, trọng tâm là: Lễ kỷ niệm 50 năm sự kiện 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị (1972 - 2022). Phối hợp tổ chức thành công các hoạt động nằm trong chuỗi lễ hội “Vì Hòa bình” tại tỉnh Quảng Trị.

Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH để tổ chức tốt các kiện chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội, trên địa bàn thị xã. Thực hiện tốt công tác đầu tư, Bảo tồn, tôn tạo, bảo vệ, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, các thiết chế văn hóa tâm linh trên địa bàn như: Nghĩa trũng đàn, Nhà hành lễ, Bến thả hoa 2 bờ Nam Bắc, Tháp chuông... Huy động nguồn lực từ xã hội hóa để đầu tư nâng cấp một số di tích lịch sử trên địa bàn như: Nghĩa trũng đàn, Tượng đài Mai Quốc Ca... Đề xuất, phối hợp với tỉnh hoàn thành hồ sơ công nhận di tích lịch sử văn hóa “Bến đò Như Lệ”; xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển giọng hò Như Lệ.

Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, cơ quan, làng, khu phố văn hóa, phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Đến năm 2025; 50% thôn đạt khu dân cư kiểu mẫu; Tối thiểu có 02 phường đạt “Chuẩn văn minh đô thị”. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền. Đa dạng hình thức và công cụ tuyên truyền, sử dụng mạng xã hội một cách hiệu quả. Phối hợp tổ chức tuyên truyền trên hệ thống báo chí của Trung ương và của tỉnh phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Sử dụng có hiệu quả hệ thống hạ tầng truyền thanh cơ sở.

Tổ chức thành công Đại hội TDTT thị xã lần thứ VIII; Tích cực tập luyện và thi đấu thành công tại Đại hội TDTT tỉnh lần thứ IX, năm 2021. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ vận động viên thành tích cao ở những môn có thế mạnh.

Tăng cường, tìm kiếm, đẩy mạnh xã hội hoá các nguồn lực để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ thị xã đến cơ sở⁵⁰, phân đầu các phường, xã có khu trung tâm văn hóa - thể thao ngoài trời. Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ cải tạo, nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa khu phố, thôn giai đoạn 2022-2025.

2.2. Phát triển toàn diện sự nghiệp giáo dục - đào tạo

Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, hướng đến xây dựng trường chất lượng cao, phân đầu có ít nhất 3 trường đạt chất lượng cao⁵¹; Tăng cường đầu

⁵⁰ Xây dựng hoàn thành Nhà Văn hóa trung tâm của thị xã, trung tâm văn hóa các phường 1, 2, 3...; nâng cấp hoàn thiện cơ bản nhà văn hóa các khu phố, thôn theo đề án.

⁵¹ Trường Mầm non Thành Cổ, Trường Tiểu học Nguyễn Trãi; Trường THCS Thành Cổ

tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ. Đến năm 2025 có 20% số trường bậc THCS, TH & THCS dạy học 2 buổi/ngày. Đạt phổ cập giáo dục bậc trung học trước năm 2023. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025*” của Chính phủ.

Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, phát huy tính sáng tạo, chủ động; bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập, khuyến khích hỗ trợ phát triển hệ thống trường lớp mầm non ngoài công lập. Phấn đấu tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương đều có tổ chức khuyến học. Phát huy vai trò, tích cực của Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội đồng giáo dục các cấp. Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng xã hội trong việc tham gia làm chuyển biến chất lượng, phát triển giáo dục.

2.3. Ứng dụng khoa học công nghệ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về ứng dụng CNTT trong tất cả các lĩnh vực. Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất đổi mới thiết bị, chuyển giao công nghệ, ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ khoa học công nghệ để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, đặt hàng với đội ngũ trí thức, cán bộ kỹ thuật và người lao động nghiên cứu, xây dựng các đề tài khoa học - công nghệ, các sáng kiến kinh nghiệm ứng dụng trong quản lý, sản xuất, đời sống. Hàng năm bố trí kinh phí đầu tư để nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ tạo động lực phát triển. Đầu tư xây dựng nền tảng kỹ thuật, để tiếp cận và chủ động nắm bắt tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tạo nền tảng chuyển đổi số, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

2.4. Thực hiện hiệu quả các chính sách người có công; chương trình, mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề và an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ ưu đãi và huy động xã hội hóa để tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, phấn đấu đảm bảo gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Phối hợp thực hiện tốt công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác định thông tin liệt sỹ. Thường xuyên chăm sóc tu bổ, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ và các công trình ghi danh, tri ân tưởng niệm anh hùng liệt sỹ trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài (*hỗ trợ lãi vay, kinh phí đào tạo nghề...*). Tạo việc làm mới cho 350 - 400 lao động/năm. Đến năm

2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo 80 - 85%, trong đó: có bằng cấp chứng chỉ 40 - 45%. Triển khai đồng bộ các chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững; hàng năm giảm từ 12 - 15 hộ nghèo.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện công tác cải cách chính sách bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết 28-NQ/TW của BCHTW; Từng bước tăng tỷ lệ người nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tăng cường công tác kiểm tra rà soát các cơ sở sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật. Đến năm 2025, lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt tỷ lệ 35%.

Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, người yếu thế trong xã hội. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng dịch bệnh covid-19.

2.5. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, gia đình, trẻ em

Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, theo dõi, giám sát thực hiện chính sách y tế và an toàn thực phẩm. Tạo môi trường bình đẳng, thuận lợi đối với các cơ sở y tế công lập và tư nhân trong việc khám, chữa bệnh.

Tiếp tục đề xuất đầu tư, bổ sung trang thiết bị khám chữa bệnh hiện đại, chú trọng bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ y, bác sĩ của Trung tâm Y tế để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.

Chú trọng năng lực khám chữa bệnh của các Trạm Y tế phường xã. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh, giám định bảo hiểm y tế, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa; triển khai sổ sức khỏe điện tử cho từng người dân. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100% vào năm 2025.

Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại địa phương. Tập trung thực hiện các biện pháp, tăng cường nhận thức và nguồn lực để phòng, chống quyết liệt, hiệu quả dịch bệnh Covid-19. Kiểm soát dịch bệnh; hoàn thành tiêm chủng đại trà vac-xin Covid-19 cho cộng đồng theo Kế hoạch của Tỉnh.

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Từng bước nâng cao chất lượng dân số. Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, bình đẳng giới. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, không để trẻ em bị ngược đãi, bạo hành, xâm hại.

3. Lĩnh vực xây dựng chính quyền, Tư pháp, Thanh tra, KNTC, Phòng chống tham nhũng

3.1. Công tác xây dựng chính quyền, tổ chức bộ máy

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, điều hành, trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức từ thị xã đến phường xã. Thực

hiện đảm bảo quy định công tác kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, điều động, luân chuyển, tạo nguồn... cán bộ, công chức. Triển khai thực hiện Đề án xây dựng chính quyền điện tử thị xã Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; cơ bản đáp ứng các tiêu chí đô thị thông minh. Từng bước nâng cao tỷ lệ thực hiện số dịch vụ công trực tuyến lên cấp độ 3, mức độ 4.

Triển khai mạnh mẽ hơn nữa công tác cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa giảm thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của thị xã, phấn đấu chỉ số cải cách hành chính hằng năm đạt loại tốt, nằm trong топ 3 của các huyện, thành phố, thị xã. Thực hiện nghiêm túc quy định công chức, công vụ; chấn chỉnh lề lối tác phong làm việc của các bộ, công chức. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển của chính quyền các cấp.

3.2. Công tác Tư pháp

Thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản QPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở. Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tiếp tục thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018-2022”, chú trọng công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn. Giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

3.3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng, tôn giáo, khen thưởng

Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch của Ban Thường vụ Thị ủy và thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/TU của BTV Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Thực hiện thanh tra có trọng tâm, trọng điểm trên lĩnh vực KT-XH, thanh tra vụ việc khi có dấu hiệu vi phạm.

Tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo kịp thời, chính xác, đảm bảo quy trình, thủ tục, đúng thẩm quyền; tránh kéo dài, hạn chế vượt cấp, khiếu nại tập thể, trở thành điểm nóng. Tăng cường công tác đối thoại nhằm đảm bảo sự đồng thuận trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các Tổ hòa giải ở cơ sở.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng, chống tham nhũng, nhất là về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân; kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai, tài sản, thu nhập của người có chức, có quyền theo quy định; chú trọng làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống liêm chính cho cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát nội

bộ việc chấp hành các quy định về phòng, chống tham nhũng; kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn, xử lý vi phạm và các hiện tượng tiêu cực trong thực thi công vụ.

4. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về quốc phòng, an ninh⁵², nhất là những chủ trương, quan điểm mới về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Thực hiện nghiêm túc quy định về bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; xây dựng lực lượng quân sự, công an vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng phối hợp. Thực hiện tốt chính sách quân đội, hậu phương quân đội.

Tiếp tục quy hoạch và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng công trình quân sự trong khu vực phòng thủ để góp phần tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ thị xã ngày càng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Thực hiện công tác tuyển quân đúng đối tượng và số lượng yêu cầu. Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%...

Chủ động nắm chắc, đánh giá đúng, dự báo sát tình hình và xử lý tốt các tình huống phức tạp có thể xảy ra trên địa bàn. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng, các mục tiêu trọng điểm. Chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy. Xây dựng và nhân rộng mới các mô hình về đấu tranh phòng, chống tội phạm ở các khu phố, thôn.

Nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu “*diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, không để xảy ra “*điểm nóng*” về an ninh trật tự. Tăng cường đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phản tử xấu, nhất là trên không gian mạng. Nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện, diễn tập, ứng phó với dịch bệnh, biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống cháy nổ cho các lực lượng và nhân dân trên địa bàn.

⁵² Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 08 (khóa IX) của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”; Nghị định số 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Nghị định 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trọng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm TTATXH...

Phần thứ ba:
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, phường, xã tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt đến từng cán bộ công chức cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch 5 năm 2021-2025 và cụ thể hóa vào kế hoạch hàng năm, vào các chương trình, dự án để triển khai thực hiện, đưa nhiệm vụ phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch vào Kế hoạch chỉ đạo điều hành và Chương trình công tác năm của từng cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.


Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các phường, xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung đã được đề ra trong kế hoạch; Phân công trách nhiệm cụ thể từng thành viên, có quy định thời gian thực hiện, mục tiêu, kết quả đạt được, các nguồn lực đảm bảo, trách nhiệm phối hợp của các tổ chức, cá nhân liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo để UBND thị xã sẽ xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thực hiện báo cáo sơ kết hàng năm và báo cáo tổng kết gửi UBND thị xã (qua Phòng Tài chính- Kế hoạch thị xã để tổng hợp tham mưu báo cáo).

2. Đề nghị UBMTTQVN và các đoàn thể thị xã tổ chức nghiên cứu, quán triệt trong toàn thể cán bộ, hội viên, đoàn viên và nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện. Tổ chức sơ kết hàng năm, giữa nhiệm kỳ để đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch này.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch KT-XH, QP-AN giai đoạn 2016-2020, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN giai đoạn 2021-2025, UBND thị xã báo cáo UBND tỉnh, BTV Thị ủy, HĐND biết để chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; 
- Sở KH-ĐT;
- Ban TV Thị ủy
- TT.HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- UBMTTQ thị xã;
- Các cơ quan, đoàn thể thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- TT.HĐND-UBND các phường, xã;
- Lưu: VT, LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Mai Anh



Phụ biểu
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG
 (kèm theo Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện		KH 2025	So sánh	
			2015	2020		Thời kỳ 2016-2020	Thời kỳ 2021-2025
I	KINH TẾ						
1	Tổng giá trị sản xuất (Giá SS 2010- Tham khảo)	Tỷ đồng	1.082,1	1.674	2.596	109,12	109,17
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	440,0	700,0	1.100	109,73	109,46
	+ Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	550,0	860,0	1.350	109,35	109,44
	+ Nông lâm nghiệp - Thủy sản	Tỷ đồng	92,1	114,0	146	104,36	105,07
2	Doanh thu bán lẻ hàng hóa - dịch vụ	Tỷ đồng	1.150	2.796	6600	119,44	118,74
3	Giá trị sản xuất Công nghiệp (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	345,0	536,0	900	109,21	110,92
4	GTSX Nông lâm nghiệp - Thủy sản (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	92,1	114,0	142	104,36	104,49
5	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	3.275	3.461	3300	101,11	99,05
6	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	28,0	60,00	85-90	116,47	85-90
7	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	47,8	108,0	550- 560	117,71	8- 9%
	<i>Trong đó: Thu từ thuế, phí, lệ phí</i>	Tỷ đồng	31,6	45,0	300- 310	107,33	10- 11%
8	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	Giai đoạn 2016 - 2020: 1610 tỷ		Giai đoạn 2021 - 2025: 3.200 tỷ		
9	Số doanh nghiệp thành lập mới/năm	Doanh nghiệp			10-15 DN/năm		10-15 DN/năm
II	VĂN HÓA - XÃ HỘI						
10	Dân số trung bình		23.320	23.694	24.950		
11	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%o	0,93	0,90	<1		

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện		KH 2025	So sánh	
			2015	2020		Thời kỳ 2016-2020	Thời kỳ 2021-2025
12	Tạo việc làm mới trong hàng năm	Người	400	380	350-400		
	<i>Trong đó: Xuất khẩu lao động</i>	<i>Người/năm</i>	<i>15</i>	<i>20</i>	<i>60-70</i>		
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%			80 - 85		
	<i>Trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%			<i>40 - 45</i>		
14	Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,56	1,82	Giảm 12-15 hộ/năm		
	<i>Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo/năm</i>	%	<i>0,94</i>	<i>0,65</i>			
15	Xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế; đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em	Phường, xã			5/5		
16	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm Y tế	%	75,0	95	100		
17	Tỷ lệ suy dinh dưỡng (Theo cân nặng) của trẻ em dưới 5 tuổi	%	7,5	6,21	<7		
18	Trường học đạt chuẩn Quốc gia	%		100	100		
19	Tỷ lệ huy động cháu vào nhà trẻ	%	26,00	68,0	70-75		
20	Tỷ lệ huy động cháu vào Mẫu giáo	%	82,00	98,0	>98		
21	Thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc THPT				Trước 2023		
22	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa	%	90,0	97,0	100		
23	Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa	%	96,6	100,0	Thôn đạt khu dân cư kiểu mẫu: 50%		
24	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa	%	92,0	96,7	97		
25	Số phường đạt chuẩn văn minh đô thị	Phường			>=2		
III	TÀI NGUYÊN- MÔI TRƯỜNG						

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện		KH 2025	So sánh	
			2015	2020		Thời kỳ 2016-2020	Thời kỳ 2021-2025
26	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	57,0	58,0	58		
27	Tỷ lệ dân số khu vực thành thị sử dụng nước sạch	%		100,0	100		
28	Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	89,0	96,0	100		
29	Tỷ lệ hộ được thu gom rác thải	%		92,0	100		
	Trong đó:						
	Phường 1, 2, 3	%	93,7	100,0	100		
	Phường An Đôn	%	40,4	100,0	100		
	Nông thôn	%	40,4	75,0	100		
30	Số hộ dân đầu nối mới vào hệ thống xử lý nước thải	Hộ			Đến năm 2025 đạt trên 600 hộ		

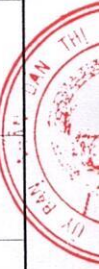




Phụ biểu II
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KT – XH THỊ XÃ
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(kèm theo Kế hoạch số **1299/KH**- UBND ngày **05** tháng **10** năm 2021 của UBND thị xã **Quảng Trị**)

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu	Thời gian dự kiến thực hiện (Hoặc dự kiến hoàn thành)	Ghi chú
I	CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN		
1	Đề án thu hút đầu tư và huy động nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng đô thị, hạ tầng Cụm Công nghiệp Hải Lệ, hạ tầng du lịch	2022	
2	Kế hoạch phát triển các sản phẩm du lịch trên địa bàn	2022	
3	Đề án thị xã Quảng Trị đạt đô thị loại III vào năm 2025, định hướng đến năm 2030;	2021	
4	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết xây dựng nếp sống văn minh đô thị	2021	
5	Đề án Xã hội hóa xây dựng nhà tiêu tự hoại cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn giai đoạn 2021 -2022	2021 - 2022	
6	Đề án hỗ trợ cải tạo, nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa khu phố, thôn	2022 – 2026	
7	Đề án điện chiếu sáng hẻm, kiệt	2022 - 2026	
8	Đề án XHH lát vỉa hè, cây xanh đô thị	2022 - 2025	
9	Đề án nâng cao hiệu quả quản lý trật tự xây dựng, trật tự vỉa hè		
10	Đề án xây dựng chính quyền điện tử	2022 - 2025	
II	NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP		
A	KINH TẾ		
1	Kêu gọi đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên	2021- 2025	
2	Tổ chức triển khai thực hiện một số sản phẩm du lịch mới: Tour du lịch hoài niệm, du lịch “Trở lại chiến trường xưa và đồng đội”, Phát triển các sản phẩm du lịch mới như: Du lịch công đồng, du lịch trên sông Thạch Hãn, du lịch mạo hiểm, dã ngoại khám phá đập Trần Hải Lệ	2021- 2025	
3	Hoàn thành quy hoạch Khu vực phụ cận Thành Cổ và công viên Hòa Bình	2021	
4	Hoàn thành quy hoạch: Khu du lịch sinh thái Đập tràn – Khe trái;	2022 - 2025	



TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu	Thời gian dự kiến thực hiện (Hoặc dự kiến hoàn thành)	Ghi chú
5	Tiếp tục hoàn thiện Cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ, trong đó: Triển khai dự án: San nền (GD 2), Hệ thống xử lý chất thải, nước thải	2022 - 2025	
6	Có thêm ít nhất 5 dự án có quy mô khá đi vào sản xuất tại Cụm công nghiệp Hải Lệ	2021- 2025	
7	Xây dựng mỗi phường, xã 1 sản phẩm – OCOP. Triển khai Mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ như: Rau an toàn, hoa cao cấp,... đạt quy mô 01 ha trở lên	2021- 2025	
8	Chuyển đổi mục đích sử dụng của một số vị trí để kêu gọi đầu tư: Trung tâm giáo dục thường xuyên – giáo dục nghề nghiệp (Cơ sở ở đường Hai Bà Trưng, Sân vận động thị xã,)	2022- 2025	
B	QUY HOẠCH, ĐÔ THỊ		
1	Phối hợp triển khai lập quy hoạch thị xã Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tích hợp đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Quảng Trị	2021	
2	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chung về xây dựng thị xã đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.	2022 - 2023	
3	Hoàn thành: Quy hoạch phân khu phường 1; Điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới ...	2021	
4	Triển khai lập Quy hoạch các phân khu chức năng (Phường 2, phường 3); Quy hoạch, đầu tư mở rộng thêm các khu đô thị mới phía Đông thị xã; Khu đô thị mới ở phường An Đôn	2022 - 2025	
5	Hoàn thành đầu tư xây dựng công trình: Cơ sở hạ tầng giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	2025	
6	Hoàn thành đầu tư xây dựng công trình: Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	2023	
C	TÀI NGUYÊN- MÔI TRƯỜNG		
1	Lập và tổ chức thực hiện Quy hoạch sử dụng đất thị xã giai đoạn 2021 – 2030;	2021	
2	Đề xuất thu hồi những dự án, công trình chậm triển khai hoặc chủ đầu tư không có khả năng thực hiện để kêu gọi đầu tư: Dự án La Vang Resort, Trung tâm Hoà Niệm,	2021 - 2025	
3	Từng bước đầu tư mở rộng mạng lưới hệ thống thu gom xử lý nước thải (Tuyến cấp 2). Đến năm 2025 có trên 600 hộ đầu nối mới vào hệ thống xử lý nước thải	2021 - 2025	
D	VĂN HÓA – XÃ HỘI		

TT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu	Thời gian dự kiến thực hiện (Hoặc dự kiến hoàn thành)	Ghi chú
1	Tổ chức các hoạt động Lễ kỷ niệm 50 năm sự kiện 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị (1972 - 2022)	2022	
2	Có 50% thôn đạt khu dân cư kiểu mẫu; tối thiểu có 02 phường đạt “Chuẩn văn minh đô thị	2025	
3	Tổ chức thành công Đại hội TDTT thị xã lần thứ VIII; Tham gia Đại hội TDTT tỉnh lần thứ IX	2021 - 2022	
4	Có 20% số trường bậc THCS, TH & THCS dạy học 2 buổi/ngày; 25% số trường nâng mức độ chuẩn: có 3 trường từ mức 1 lên mức 2	2025	
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 80 - 85%, trong đó: có bằng cấp chứng chỉ 40 - 45%.	2025	
E	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN		
1	100% các văn bản chính thức trao đổi dưới dạng điện tử. Tỷ lệ thực hiện số dịch vụ công trực tuyến lên cấp độ 3, mức độ 4	2025	
2	Nâng cao chỉ số cải cách hành chính của thị xã, hằng năm đạt loại tốt, nằm trong top 3 của các huyện, thành phố, thị xã.	2021 - 2025	
E	QUỐC PHÒNG – AN NINH		
1	Xây dựng và nhân rộng mới các mô hình về đấu tranh phòng, chống tội phạm ở các khu phố, thôn như: Khu phố phòng chống ma túy,...	2021 - 2025	
2	Thực hiện công tác tuyên quân đúng đối tượng và số lượng yêu cầu. Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%;	2021 - 2025	
3	Chủ động nắm chắc, đánh giá đúng, dự báo sát tình hình và xử lý tốt các tình huống phức tạp có thể xảy ra trên địa bàn. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng, các mục tiêu trọng điểm	2021 - 2025	



Phụ biểu III

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CHỦ YẾU DỰ KIẾN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên nguồn, chương trình	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Ghi chú
				TW	Tỉnh	Thị xã	
1	Cơ sở hạ tầng giao thông đô thị thị xã Quảng Trị (Bao gồm Đường Võ Văn Kiệt, hồ trung tâm thị xã; Mở rộng đường Bạch Đằng)	2022 -2025	140.000	120.000		20.000	Nghị quyết 113/NQ-HĐND ngày 4/6/2021
2	Nhà văn hóa Trung tâm	2022 -2025	44.460		20.000	24.460	Nghị quyết 11/NQ - HĐND thị xã ngày 30/6/2021
3	Các trường học (Trường THCS Thành Cổ, Trường TH&THCS Lương Thế Vinh)	2021 - 2025	20.700		15.000	5.700	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư gồm 4 công trình
4	Kênh tiêu thoát nước KP 3 - Phường An Đôn	2021 - 2023	5.000		5.000		Quyết định 1332/QĐ-UBND ngày 28/12/2020
5	Hệ thống xử lý nước thải cụm CN Hải Lệ	2022- 2023	4.290		3.000	1.290	Nghị quyết 12/NQ-HĐND ngày 30/6/202
6	Trung tâm hành chính thị xã (GD 1)	2021 - 2023	20.415			20.415	Nghị quyết 110/NQ-HĐND ngày 12/5/2021
7	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt (giai đoạn 1)	2021 - 2024	112.000			112.000	Nghị quyết 111/QĐ-UBND ngày 12/5/2021
8	Đường giao thông Khu phố 1, Khu phố 3, Phường An Đôn	2021 - 2023	10.399			10.399	Quyết định 366/QĐ-UBND ngày 26/4/2021
9	Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị	2021 - 2022	5.000			5.000	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 12/5/2021
10	Bãi rác thị xã (GD 2)	2022 - 2023	5.000			5.000	
11	Cơ sở hạ tầng cụm CN Hải Lệ (GD 2)	2022 -2024	15.000			15.000	
12	Hệ thống thu gom nước thải (Tuyến cấp 2)	2022 -2025	12.000			12.000	
13	Khu đô thị mới Võ Thị Sáu (giai đoạn 3)	2025 - 2027	137.000			137.000	

TT	Tên nguồn, chương trình	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Ghi chú
				TW	Tỉnh	Thị xã	
14	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	2022 - 2024	10.000			10.000	
15	Trung tâm hành chính thị xã (GD 2)	2023 - 2025	40.000		20.000	20.000	Chỉ thực hiện khi có hỗ trợ vốn của UBND tỉnh
16	Chinh trang kê bờ Nam sông Thạch Hãn (đoạn từ chợ Quảng Trị đến cầu Thạch Hãn)	2023 - 2025	10.000			5.000	Xúc tiến tìm nguồn hỗ trợ của tỉnh



Phụ biểu IV

DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(kèm theo Kế hoạch số 1293/KH-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

TT	Tên dự án	Quy mô dự kiến đầu tư	Vốn đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Ghi chú
I	THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ- DU LỊCH					
1	Đầu tư Trung tâm thương mại hoặc Siêu thị hoặc khách sạn 03 sao trở lên	22.000 m2	50	100% vốn nhà đầu tư	Sân vận động thị xã, đường Trần Hưng Đạo- thị xã Quảng Trị	
2	Đầu tư Trung tâm thương mại hoặc Siêu thị hoặc khách sạn 03 sao trở lên	4.150 m2	50	100% vốn nhà đầu tư	Trung tâm Giáo dục TX- GDNN thị xã, ngã 3 Quang Trung- Hai Bà Trưng- thị xã Quảng Trị	
3	Đầu tư kinh doanh thương mại- dịch vụ	335 m2	20	100% vốn nhà đầu tư	Trụ sở Phòng TC-KH, Ngã 3 Ngô Quyền- Nguyễn Tri Phương- thị xã Quảng Trị	Đấu giá tài sản và cho thuê đất thương mại- dịch vụ
4	Đầu tư kinh doanh thương mại- dịch vụ	327 m2	20	100% vốn nhà đầu tư	Trụ sở Phòng Kinh tế, Ngã tư Trần Hưng Đạo- Lý Thái Tổ- thị xã Quảng Trị	Đấu giá tài sản và cho thuê đất thương mại- dịch vụ
5	Đầu tư kinh doanh thương mại- dịch vụ	723 m2	50	100% vốn nhà đầu tư	Trụ sở QLĐT (cũ), đường Trần Hưng Đạo thị xã Quảng Trị	Đấu giá tài sản và cho thuê đất thương mại- dịch vụ
6	Khu dịch vụ logistic, kho hàng hóa	10.000 m2	trên 05 tỷ đồng/01 dự án	100% vốn nhà đầu tư	Khu dịch vụ Bàu De, Phường 1- thị xã Quảng Trị	Kêu gọi đầu tư sau khi đi đời bãi rác chôn lấp
7	Đầu tư và kinh doanh khai thác chợ Ba Bén	Diện tích 4.000 m2; Quy mô dự kiến khoảng hơn 50 lô quầy	20	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường 2- thị xã Quảng Trị	
8	Đầu tư xây mới chợ Hải Lệ	Diện tích 2.000 m2; Quy mô dự kiến khoảng hơn 30 lô quầy	10	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Xã Hải Lệ- thị xã Quảng Trị	
9	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, resort ven Đập Trần- Khe Trái	52 ha	100	100% vốn nhà đầu tư hoặc PPP	Xã Hải Lệ- thị xã Quảng Trị	
10	Khu du lịch sinh thái, resort, nhà hàng cao cấp	22.400 m2	50	100% vốn nhà đầu tư	Phường 1- thị xã Quảng Trị	Khu đất thu hồi của công ty CP Du lịch Miền Trung

11	Đầu tư du lịch trên sông Thạch Hãn (du thuyền trên sông)	Quy mô phù hợp với quy định về an toàn đường sông	10	100% vốn nhà đầu tư	Sông Thạch Hãn	
12	Đầu tư và kinh doanh bãi đỗ xe du lịch kết hợp các dịch vụ tổng hợp	9.800 m ²	20	100% vốn nhà đầu tư hoặc PPP	Phường An Đông- thị xã Quảng Trị	
13	Đầu tư và kinh doanh dịch vụ- du lịch và bãi đỗ xe nội bộ	4.800 m ²	45	100% vốn nhà đầu tư hoặc PPP	Trường PTTH Nguyễn Huệ (cũ), Phường 3- thị xã Quảng Trị (Dự kiến)	Theo Phương án của tỉnh
II	SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÔNG NGHIỆP					
14	Nhà máy sản xuất cơ khí; vật liệu xây dựng; may công nghiệp; chế biến lâm sản; nghề truyền thống...	Có quy mô đầu tư khá, phù hợp với ngành nghề quy hoạch tại Cụm CN. Diện tích: 10.000 - 45.000 m ²	trên 20 tỷ đồng/01 dự án	100% vốn nhà đầu tư	Cụm Công nghiệp Hải Lệ- thị xã Quảng Trị	Khoảng 04-05 dự án
III	NÔNG NGHIỆP					
15	Đầu tư vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến (chế biến nông sản thực phẩm sạch, tinh bột sắn, chế biến gỗ...)	100 ha	20	100% vốn nhà đầu tư hoặc liên doanh liên kết với các HTX, các hộ dân.	Phường An Đông, xã Hải Lệ- thị xã Quảng Trị	Khoảng 02-03 dự án